

Bản án số: **11/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15.4.2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C- THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Thiêm

2. Bà Nguyễn Thu Hà

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng—

Cán bộ TAND quận C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, Thành phố H không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số vụ án HNGĐ sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thảo H, sinh năm 1987.

Địa chỉ HKTT và địa chỉ hiện nay: Căn hộ 2402 – V4 Chung cư H, tổ 45, phố T, phường Y, quận C, Thành phố H. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn M, sinh năm 1987.

Địa chỉ HKTT: Tổ 5, phường T, quận L, TP. H.

Nơi ở hiện nay: Căn hộ 2402 – V4 Chung cư H, tổ 45, phố T, phường Y, quận C, Thành phố H. (Có mặt)

NỘI DUNG:

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thảo H và anh Trần Tuấn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, Thành phố H ngày 07.5.2014. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung,

không chia sẻ, không quan tâm tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã không còn quan hệ và xác định không còn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, chị không rõ anh M làm gì sinh sống nhưng phát sinh nợ nần và làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vì vậy chị xin ly hôn.

- Về con chung: chị H trình bày anh chị có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh P, sinh ngày 18.10.2014 và cháu Trần Tuệ L, sinh ngày 26.8.2019 các cháu hiện đều có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh M trợ cấp nuôi con chung là: 15.000.000 đồng/ tháng, chia đều cho hai cháu, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

- Về tài sản chung: chị H xác định chị và anh M tự thỏa thuận, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp phát sinh, anh chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: chị H xác định anh chị không nợ ai và không ai nợ gì anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền: Chị H lựa chọn Tòa án nhân dân quận C, là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị.

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày nhanh Trần Tuấn M như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: anh M đồng ý với quan điểm trình bày của chị H. Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, Thành phố H ngày 07.5.2014. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn khoảng gần một năm gần đây, nguyên nhân là do công việc của anh gặp nhiều khó khăn, làm ăn thất bại, tiền bạc thiếu tuy nhiên anh đã tự giải quyết xong và đã ổn định lại. Anh xác định vợ chồng đã chấm dứt quan hệ sinh lý với nhau, không chia sẻ nói chuyện được với nhau. Nhưng anh không muốn ly hôn với chị H và đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án phân xử theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: anh xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Tại phiên tòa anh trình bày, trường hợp anh chị phải ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc giáo dục, anh tự nguyện đóng góp nuôi con chung số tiền 15.000.000 đồng/ tháng (Mười lăm triệu đồng), chia đều cho hai cháu, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Đây cũng là nguyện vọng của hai con anh chị khi bố mẹ ly hôn.

Anh được quyền tự do đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở là được.

- Về thẩm quyền: anh M lựa chọn Tòa án nhân dân quận C, là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị.

- Về tài sản chung: anh xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp phát sinh, anh chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: anh chị xác nhận không nợ ai và không ai nợ gì anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C không tham gia phiên tòa.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Thảo H và anh Trần Tuấn M có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, Thành phố H vào ngày 07.5.2014 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, có nguyện vọng được ly hôn nên là tranh chấp ly hôn và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ nơi ở hiện tại là căn hộ 2402, tổ 45 phường Y, quận C, Thành phố H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố H. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân quận C là cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn, lựa chọn phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

3.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H với bị đơn anh Trần Tuấn M, HĐXX nhận định: Theo bản tự khai và các biên bản làm việc cũng như lời khai tại phiên tòa đủ cơ sở để khẳng định giữa hai anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng căng thẳng. Nguyên nhân là trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã không còn quan tâm đến nhau, chấm dứt quan hệ sinh lý trong khoảng một năm với nhau. Cuộc sống chung không có sự chia sẻ, đồng cảm, quan tâm tới nhau như vậy không có hạnh phúc. Mục đích kết hôn của nam nữ là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên với tình trạng không còn tình cảm như hiện nay dẫn tới gia đình không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích

pháp luật động viên chị H anh M đoàn tụ nhưng không thành, chị H kiên quyết xin ly hôn. Hiện tại chị H và hai con đã thuê nhà ở riêng, không còn chung sống với anh M. Nguyên vọng ly hôn của chị H với anh M là chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc và nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn. Mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy đối với nguyên vọng ly hôn đơn phương của chị H, HĐXX thấy rằng đây là quyền chính đáng của công dân, phù hợp với căn cứ của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Chị H được ly hôn anh M.

2.2. Về con chung: Đủ căn cứ xác anh chị có hai con chung là có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh P, sinh ngày 18.10.2014 và cháu Trần Tuệ L, sinh ngày 26.8.2019 các cháu hiện đều có nguyên vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. cháu Trần Thanh P, sinh ngày 18.10.2014 và cháu Trần Tuệ L, sinh ngày 26.8.2019 các cháu hiện đều có nguyên vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. HĐXX nhận thấy: Cả hai cháu đều có nguyên vọng ở với chị H sau khi anh chị ly hôn. Tại phiên tòa anh M cũng đồng ý với nguyên vọng này của các con và tự nguyện đóng góp nuôi con chung số tiền 15.000.000 đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng) một tháng, chia đều cho hai cháu, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Vì vậy HĐXX chấp nhận nguyên vọng hai cháu, giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện đóng góp nuôi con chung số tiền 15.000.000 đồng/ tháng (Mười lăm triệu đồng), chia đều cho hai cháu, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. được quyền tự do đi lại thăm nuôi chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H và bị đơn anh Trần Tuấn M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không có tranh chấp, tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về công nợ: Nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H và bị đơn anh Trần Tuấn M cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không có tranh chấp, tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 70, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H đối với bị đơn anh Trần Tuấn M. Chị Trần Thị Thảo H được ly hôn với anh Trần Tuấn M.

2. Về con chung: Xác định chị Trần Thị Thảo H và anh Trần Tuấn M có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh P, sinh ngày 18.10.2014 và cháu Trần Tuệ L, sinh ngày 26.8.2019. Ly hôn, giao cả hai cháu P và L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện đóng góp nuôi con chung số tiền 15.000.000 đồng/ tháng (Mười lăm triệu đồng), chia đều cho hai cháu, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh M được quyền tự do đi lại thăm nuôi chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Nguyên đơn chị H và anh M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Nguyên đơn chị H và anh M cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Thảo H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C theo biên lai thu số 0946871 ngày 02 tháng 01 năm 2025. Nay chuyển thành án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận C, TP. H;
- Chi cục thi hành án dân sự quận C, TP. H;
- UBND phường K, quận T, TP. H;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền 01/2014 ngày 07.5.2014).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng